TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 390/2025/DS-PT
Ngày: 22 tháng 9 năm 2025.
V/v: *"Tranh chấp về đất đai và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu.

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 801/2025/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp về đất đai và yêu cầu hủy quyết định cá biệt".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 529/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Mỹ N, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng);

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc K, luật sư văn phòng L, thuộc đoàn luật sự tỉnh Bình Thuận; (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1951

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng).

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1956

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh

Lâm Đồng).

3.3. Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng).

Đại diện theo ủy quyền của các bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị Kim T2: bà Nguyễn Thị Kim C.

3.4. Ông Nguyễn Quốc K1, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng).

3.5. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng).

3.6. Bà Nguyễn Thiên K2, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng).

3.7. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng).

3.8. Ủy ban nhân dân huyện T

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lâm Đồng.

3.9. Ngân hàng N2 chi nhánh T5;

Do bà Lý Thị C1, Phó Giám đốc đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Hồ Thị Mỹ N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ N (sau đây gọi là bà N) trình bày:

Diện tích đất 232,1m^2 có nguồn gốc từ cha mẹ chồng bà là ông Nguyễn Trung K3 và bà Nguyễn Thị T4 (sau đây gọi là ông K3 và bà T4) tạo lập, nhưng khi bà lấy ông Nguyễn Văn X (sau đây gọi là ông X), thì ông K3 và bà T4 cho vợ chồng bà làm nhà vì chồng bà là con trai duy nhất. Năm 2005, trước khi đổi đất, vợ chồng bà có hỏi ý kiến của ông K3 và bà T4, thì ông K3 và bà T4 trả lời cha mẹ đã cho các con đất, nên việc đổi hay không là do vợ chồng con quyết định, sau đó vợ chồng bà đổi 190 m^2 đất với vợ chồng bà Võ Thị B và ông Lê Trọng H1 cho vuông vức, sau khi đổi xong hai bên gia đình ở ổn định từ năm 2005 đến nay, vợ chồng bà có nộp thuế sử dụng đất các năm 2005, 2006 và 2007.

Vì vậy, bà yêu cầu huỷ di chúc ngày 29/3/2010 do ông K3 và bà T4 lập và được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực; huỷ văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 18/9/2017 được Văn phòng C2 công chứng ngày 04/10/2017; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 436157 ngày 28/4/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông K3 và bà T4 và hồ sơ đăng ký biến động cho

bà C số 22969.TA.1509 ngày 11/10/2017 Chi nhánh văn phòng Đ1, để công nhận cho bà và các con quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Trước đây, cha mẹ bà là ông K3 và bà T4 tạo lập được thửa đất diện tích 232,1 m^2 trên đất có căn nhà cấp 4, nhà và đất toạ lạc tại khu phố A, thị trấn L. Căn nhà trên diện tích đất đang tranh chấp là do cha mẹ bà xây dựng, khi đó vợ chồng bà N và ông X sống chung cha mẹ bà. Tiền xây nhà là tiền từ nhà nước hỗ trợ cho cha mẹ bà là hộ nghèo và tiền bán ruộng. Ngày 29/3/2010, cha mẹ bà có lập di chúc cho bà mảnh đất trên, di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn L. Năm 2012 cha bà chết, năm 2017 mẹ bà và chị em bà cho bà thửa đất nêu trên. Nên bà không đồng ý với yêu cầu của bà N. Bà chưa yêu cầu bà N trả lại căn nhà và đất mà chờ kết quả giải quyết của Tòa án sẽ quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Kim T1 và bà Nguyễn Thị Kim T2 đều thống nhất với lời trình bày của bà C, đồng ý giao thửa đất tranh chấp và nhà cho bà C, không có yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng bà Võ Thị B trình bày:

Khi bà lấy ông Lê Trọng H1 năm 1983 thì thấy ông X và bà N ở chung với vợ chồng ông K3 và bà T4 trong căn nhà đất, tiếp giáp đất nhà bà. Đất của vợ chồng bà ở mặt trước có chiều ngang nhưng không có chiều sâu. Đất của vợ chồng ông K3 và bà T4 nằm sau lưng đất nhà bà, ngoài đường đi vào đất ông K3 và bà T4 bằng một đường luồng. Năm 2005, bà T4 có đến gia đình bà đề nghị hoán đổi đất để hai bên đều có mặt trước và chiều dài. Lúc đầu, bà không đồng ý nhưng sau đó cả hai mẹ con bà T4 cùng ông X đến năn nỉ nên bà đồng ý. Ngày 20/10/2005, cha ruột bà N là người đứng ra đo đất và làm tờ hoán đổi đất rồi yêu cầu vợ chồng bà ký tờ giấy và sau đó đưa cho khu phố ký xác nhận. Bà xác nhận bà hoán đổi đất với ông K3 và bà T4, còn ông X và bà N ký vào đất giấy vì bà nghĩ ông X và bà N cùng ông K3 và bà T4 ở chung nhà và cũng không quan trọng gì.

Năm 2006, nghe bà T4 nói được Ủy ban nhân dân thị trấn L hỗ trợ 6.000.000 đồng cho hộ nghèo là hộ bà, bà bán 4 sào rộng để lấy tiền xây căn nhà trước, sau này ông X và bà N có xây thêm căn nhà phía sau.

Sau khi ông X chết thì ông K3 và bà T4 vẫn ở đó, bà N thì buôn bán ở chỗ khác nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Ông K3 và bà T4 ở được một thời gian thì bà C đưa cha mẹ bà về nhà bà để chăm sóc cho đến lúc ông K3 chết rồi đến bà T4 chết.

Người làm chứng bà Lê Thị Ú trình bày:

Vào năm 2006, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông K3 và bà T4 khoảng 6 sào ruộng. Giá cả thế nào thì bà không rõ vì đã quá lấu còn chồng bà đã chết hơn 10 năm

Người làm chứng ông Huỳnh Đ trình bày:

Từ năm 2004 đến tháng 6 năm 2006, ông công tác mặt trận tại khu phố A, thị trấn L. Ông có trách nhiệm hỗ trợ đối tượng hộ nghèo xây nhà, khoảng năm 2005, 2006 mặt trận khu phố có đề nghị hỗ trợ cho vợ chồng ông K3 và bà T4 là hộ nghèo xây nhà. Số tiền 5.000.000 đồng hay 7.000.000 đồng thì ông không nhớ.

Đại diện Ngân hàng N2 chi nhánh T5 trình bày:

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, bà C đã vay theo hợp đồng tín dụng số 4808LAV202006035 số tiền 160.000.000 đồng, mục đích vay là trồng thanh long, thời hạn vay là 12 tháng, ngân hàng cho vay tín chấp nhưng giữ hộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 436157 ngày 28/4/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T. N1 hang không đồng ý với yêu cầu của bà N.

Tại Công văn số 2673/UBND-NC ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc nêu ý kiến, quan điểm của UBND huyện trong vụ án tranh chấp đất đai, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Hồ Thị Mỹ N khởi kiện, có nội dung:

1. Về nguồn gốc đất: Do vợ chồng ông Nguyễn Trung K3, bà Nguyễn Thị T4 tạo lập đất ở trước năm 1993, đến năm 2011 được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. đến năm 2017 gia đình chồng tặng cho lạo bà Nguyễn Thị Kim C theo hồ sơ công chứng 5435 quyển số 07/TP/CC-SCT/HĐGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 tại Văn phòng C2 1A xã P, huyện B.

2. Quá trình sử dụng đất: Trong quá trình vợ chồng ông Nguyễn Trung K3, bà Nguyễn Thị T4 tạo lập đất ở đã sinh sống và có 05 người con gồm bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị Kim T2 ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Kim C

Từ khi vợ chồng ông Nguyễn Trung K3 cò sống, thì vợ chồng ông Nguyễn Văn X và bà Hồ Thị Mỹ N đã kết hôn, sống chung cùng với vợ chồng ông K3. Ngoài vợ chồng ông Nguyễn Văn X thì các người con khác của vợ chồng ông Nguyễn Trung K3 đã có gia đình và chuyển sang ở riêng. Đến năm 2009, ông Nguyễn Văn X chết vợ là bà Hồ Thị Mỹ N và các con của ông Nguyễn Văn X đều tiếp tục ở và quản lý sử dụng trên thửa đất, căn nhà của vợ chồng ông Nguyễn Trung K3. Tuy nhiên, do tuổi già sức yêu nên vợ chồng ông Nguyễn Trung K3 chuyển về nhà con gái là Nguyễn Thị Kim C ở để thuận tiện việc chăm sóc, đến năm 2011 thì ông Nguyễn Trung K3 chết. Từ khi vợ chồng ông Nguyễn Trung K3 chuyển về nhà bà Nguyễn Thị Kim C ở thì nhà và đất được bà Hồ Thị Mỹ N cà và các con ở, sử dụng cho đến nay.

3. Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 436157 ngày 28/4/2011 cho ông Nguyễn Trung K3 và bà Nguyễn Thị T4 đối với thửa đất số 2A + 11A tờ

bản đồ số 12, diện tích 232,1 m2 tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L đảm bảo theo trình tự, thủ tục và đối tượng được cấp giấy.

Tại Bản án số 32/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ N đối với bà Nguyễn Thị Kim C về yêu cầu huỷ di chúc ngày 29/3/2010 do ông Nguyễn Trung K3 và bà Nguyễn Thị T4 lập và được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực; huỷ văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 18/9/2017 được Văn phòng C2 công chứng ngày 04/10/2017; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 436157 ngày 28/4/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Trung K3 và bà Nguyễn Thị T4 và hồ sơ đăng ký biến động cho bà Nguyễn Thị Kim C số 22969.TA.1509 ngày 11/10/2017 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 7 năm 2024 nguyên đơn là bà Hồ Thị Mỹ N kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Ông H trình bày: cuối năm 2009, ông nội tôi đã bị lẫn nên không có thể đứng ra lập tờ di chúc như đã nêu được. Mặt khác ông nội đã có tuổi, nên khi làm tờ di chúc phải có người làm chứng nhưng tại văn bản không có người làm chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bà N Trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Hồ Thị Mỹ Ngọc làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu huỷ di chúc ngày 29/3/2010 do ông K3 và bà T4 lập và được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực; huỷ văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 18/9/2017 được Văn phòng C2 công chứng ngày 04/10/2017; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 436157 ngày 28/4/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông K3 và bà T4 và hồ sơ đăng ký biến động cho bà C số 22969.TA.1509 ngày 11/10/2017 Chi nhánh văn phòng Đ1, để công nhận cho bà và các con quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

[3] Về nguồn gốc tài sản liên quan đến tranh chấp, các bên đương sự đều thừa nhận nhà, đất thuộc thửa số 2A + 11A tờ bản đồ số 12, diện tích 232,1m^2 tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L, T, Bình Thuận (cũ) có nguồn gốc từ ông Nguyễn Trung K3 và bà Nguyễn Thị T4 tạo lập từ trước năm 1993; năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông, bà. Ngày 29/3/2010 ông K3, bà T4 có lập di chúc (có chứng thực) cho bà C; tuy nhiên gia đình bà N vẫn ở trên thửa đất nêu trên. Vào năm 2011 thì ông K3 chết. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[4.1] Thửa đất có tranh chấp là của ông K3 và bà T4 để lại, trên đất có căn nhà do ông bà tạo dựng, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N cho rằng ông K3 và bà T4 đã tặng cho vợ chồng bà từ trước năm 2005, nhưng không có tài liệu gì chứng minh có việc tặng cho đó. Ngày 29 tháng 3 năm 2010, ông K3 và bà T4 có lập di chúc và được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực với nội dung để thừa kế cho bà C thửa đất nêu trên. Theo quy định tại Điều 640, 650, 657 và 658 Bộ luật Dân sự 2005 thì di chúc do ông K3 và bà T4 lập là hợp pháp.

[4.2] Ngày 18/4/2012 ông Nguyễn Trung K3 chết, di chúc phát sinh hiệu lực đối với phần di sản của ông để lại thừa kế cho bà C trong khối tài sản chung, phần tài sản của bà M chưa có hiệu lực. Ngày 18/9/2017 bà T4, bà M, bà T1, bà T2 và bà C lập biên bản thoả thuận phân di sản thừa kế để lại thửa đất theo giấy chứng nhận số BE 436157 ngày 28/4/2011 thửa đất số 2A + 11A tờ bản đồ số 12, diện tích 232,1 m^2 tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L cho bà Nguyễn Thị Kim C. Xét thấy Văn bản thoả thuận lập ngày 18/9/2017 có nội dung phân chia cả phần di sản của ông Nguyễn Trung K3 để cho bà C là không đúng; vì nội dung di chúc của ông K3 đã có hiệu lực pháp luật nên văn bản thỏa thuận này là không có hiệu lực.

[4.3] Ngày 04 tháng 10 năm 2017 bà Nguyễn Thị T4 có làm hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị Kim C thửa đất số 2A + 11A tờ bản đồ số 12, diện tích 232,1 m^2 tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C2 là sự thể hiện ý chí của bà T4 tặng cho phần tài sản của bà cho bà C. Như vậy, bà

C đã được cha để lại ½ tài sản theo di chúc và mẹ tặng cho ½ tài sản còn lai theo Hợp đồng tặng cho. Vì vậy, hồ sơ đăng ký biến động từ ông K3 và bà T4 cho bà C là đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy việc nguyên đơn Hồ Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu huỷ di chúc ngày 29/3/2010; huỷ văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 18/92017; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 436157 ngày 28/4/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T P và hồ sơ đăng ký biến động cho bà C số 22969.TA.1509 ngày 11/10/2017, để công nhận cho mẹ con bà quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Hồ Thị Mỹ N là người cao tuổi nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hồ Thị Mỹ N;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng).

II. Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 146; khoản 1, khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ N đối với bà Nguyễn Thị Kim C về việc: Yêu cầu huỷ di chúc ngày 29/3/2010 do ông Nguyễn Trung K3 và bà Nguyễn Thị T4 lập và được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực; Yêu cầu huỷ văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 18/9/2017 được Văn phòng C2 công chứng ngày 04/10/2017; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 436157 ngày 28/4/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Trung K3 và bà Nguyễn Thị T4 và hồ sơ đăng ký biến động cho bà Nguyễn Thị Kim C số 22969.TA.1509 ngày 11/10/2017 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1.

2. Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị Mỹ N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại TP.HCM
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- NĐ (1);
- BĐ (2);
- NLQ (3);
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu